



TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DỮ LIỆU ÁP
DỤNG ĐỐI VỚI CHO TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

Hà Nội – Tháng 7/2025

Chỉ đạo biên soạn:

**THIẾU TƯỚNG, TS. NGUYỄN NGỌC CƯỜNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA**

THAM GIA BIÊN SOẠN

Đại tá, Thạc sỹ Nguyễn Thành Vĩnh – PGĐ Trung tâm dữ liệu quốc gia

Thượng tá, Vũ Hoàng Đạt – Trưởng phòng tham mưu tổng hợp

Thiếu tá, Thạc sỹ Đào Đình Nam – Phó Trưởng phòng tham mưu tổng hợp

Thiếu tá Vũ Hoàng Sơn

Thiếu tá Nguyễn Thu Vân

Trung úy Nguyễn Tiến Đạt

Trung úy Nông Công Hùng

Trung úy Hoàng Văn Dũng

LỜI NÓI ĐẦU

Để thực hiện nhiệm vụ mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của Đại hội Đảng khóa XIII đã đề ra là đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, thống nhất về việc xử lý, quản trị dữ liệu, về nền tảng phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong xử lý dữ liệu, việc tạo lập cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, hoạch định đường lối, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công, bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân, quy định sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu đang phát triển trên thế giới như sàn giao dịch dữ liệu, dịch vụ trung gian dữ liệu, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu. Việc thiết lập thị trường dữ liệu, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu hiện nay lại có vai trò rất quan trọng, nó được xem là yếu tố đột phá để từng bước tạo lập và thúc đẩy mở thị trường dữ liệu, lấy thị trường dữ liệu làm động lực phát triển dữ liệu và kích thích, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, các lĩnh vực, tăng năng lực cạnh tranh, bảo đảm cho tiến trình chuyển đổi số ở nước ta. Theo đó, dự án Luật Dữ liệu là hết sức quan trọng, cần thiết, cấp thiết để bảo đảm bao quát đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ mà Chính phủ đã xác định trong công tác chuyển đổi số; tăng cường sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, vừa khai thác, ứng dụng dữ liệu trong phát triển kinh tế - xã hội, vừa thắt chặt quản lý dữ liệu cá nhân và dữ liệu phi cá nhân, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về chuyển đổi số ở nước ta theo mục tiêu của Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia đã xác định đến Quý IV năm 2025 Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ đi vào hoạt động, là nơi lưu trữ, tổng hợp, phân tích, điều phối dữ liệu, cung cấp hạ tầng cho các bộ, ngành, địa phương.

Luật Dữ liệu được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024; Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Luật Dữ liệu có 05 chương và 46 Điều.

Thực hiện Luật Dữ liệu, Chính phủ đã ban hành 03 nghị định gồm: Nghị định số 160/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia; Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu; Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01/7/2024 ban hành danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.

Để phục vụ việc nghiên cứu, thi hành Luật Dữ liệu và Nghị định số 160/2025/NĐ-CP, Nghị định số 165/2025/NĐ-CP, Nghị định số 169/2025/NĐ-CP, Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg, được sự đồng ý của lãnh đạo Bộ Công an, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an tổ chức biên soạn “*Tài liệu tập huấn Luật Dữ liệu*”. Nội dung gồm năm phần:

Phần thứ nhất: Nội dung Luật Dữ liệu năm 2024;

Phần thứ hai: Nội dung Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.

Phần thứ ba: Nội dung Nghị định số 160/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.

Phần thứ tư: Nội dung Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

Phần thứ năm: Nội dung Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01/7/2025 ban hành danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.

Hy vọng rằng, cuốn sách này sẽ là tài liệu tham khảo tốt, đáp ứng yêu cầu tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng nâng cao trình độ pháp luật về dữ liệu cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, góp phần cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong các giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời,

góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dữ liệu.

NHÓM BIÊN SOẠN

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ LUẬT DỮ LIỆU 2024 VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Luật Dữ liệu năm 2024 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 30/11/2024 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Đây là đạo luật gốc đầu tiên điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan đến dữ liệu số tại Việt Nam. Luật được ban hành nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Với mục tiêu xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia hiện đại, thống nhất, Luật Dữ liệu thiết lập nền tảng pháp lý trong quá trình xây dựng, phát triển, xử lý, sử dụng dữ liệu, đồng thời xác định rõ quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, quản trị, quản lý dữ liệu. Luật cũng định hình cơ chế vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, tạo điều kiện hình thành thị trường dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển công nghệ số.

Để triển khai Luật Dữ liệu, Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn như sau:

(1) Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu (“**Nghị định 165**”).

(2) Nghị định số 160/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

(3) Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

(4) Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 01/07/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.

Theo đó, các nội dung liên quan đến nghĩa vụ phải tuân thủ của tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xử lý dữ liệu đang được quy định chủ yếu tại Nghị định 165. Các nghị định này có hiệu lực đồng thời với Luật Dữ liệu.

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Dữ liệu điều chỉnh các nội dung chính về (1) Dữ liệu số; (2) Xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu số; (3) Trung tâm dữ liệu quốc gia; (4) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; (5) Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu số; (6) Quản lý nhà nước về dữ liệu số; (7) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu số.

1.2. Đối tượng áp dụng

Luật Dữ liệu áp dụng đối với (1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dữ liệu số tại Việt Nam.

2. Nội dung chính

Luật Dữ liệu 2024 gồm 5 chương, 46 điều, có cấu trúc như sau:

- Chương I: Quy định chung (gồm 10 điều, từ Điều 1 đến Điều 10)
- Chương II: Xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; quỹ phát triển dữ liệu quốc gia (gồm 19 điều, từ Điều 11 đến Điều 29)
- Chương III: Xây dựng, phát triển Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (gồm 9 điều, từ Điều 30 đến Điều 38)
- Chương IV: Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu (gồm 5 điều, từ Điều 39 đến Điều 43)
- Chương V: Điều khoản thi hành (gồm 3 điều, từ Điều 44 đến Điều 46)

3. Nguyên tắc và hành vi bị nghiêm cấm

Để đảm bảo việc xử lý dữ liệu tuân thủ đúng yêu cầu của Luật Dữ liệu và các văn bản hướng dẫn, các tổ chức, doanh nghiệp cần phải tuân thủ **5 nguyên tắc chính** khi xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu và được quy định tại Điều 5 của Nghị định. Các nguyên tắc này được quy định rõ ngay từ đầu và giữ vai trò định hướng, có ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp đến các điều khoản khác trong Nghị định. Vì vậy, việc tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu là bước đầu tiên và liên tục của các bên, đảm bảo họ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Luật Dữ liệu. Các nguyên tắc chính bao gồm:

(1) Tuân thủ quy định của Hiến pháp, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(2) Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

(3) Thu thập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu chính xác, có tính kế thừa; bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, an ninh, an toàn.

(4) Bảo vệ dữ liệu được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ với xây dựng, phát triển dữ liệu.

(5) Lưu trữ, kết nối, điều phối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu bảo đảm hiệu quả, đơn giản, thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các hoạt động khác.

Trên cơ sở các nguyên tắc tại Luật Dữ liệu, Điều 10 Luật Dữ liệu đã chỉ ra 4 hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

(1) Lợi dụng việc xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu, phát triển, kinh doanh, lưu hành sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu để xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(2) Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu hoặc tấn công, chiếm đoạt, phá hoại cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ quản lý, xử lý, quản trị, bảo vệ dữ liệu.

(3) Giả mạo, cố ý làm sai lệch, làm mất, làm hư hỏng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

(4) Cố ý cung cấp dữ liệu sai lệch hoặc không cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Một số thuật ngữ pháp lý cần lưu ý

Dữ liệu số là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số.

Phân biệt với khái niệm dữ liệu cá nhân tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP: Dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

Phân biệt các chủ thể liên quan đến quá trình xử lý dữ liệu, bao gồm:

- **Chủ thể dữ liệu** là cơ quan, tổ chức, cá nhân được dữ liệu phản ánh.
- **Chủ quản dữ liệu** là cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu.
- **Chủ sở hữu dữ liệu** là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền quyết định việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng và trao đổi giá trị của dữ liệu do mình sở hữu. Theo đó, cần lưu ý quyền của chủ sở hữu dữ liệu đối với dữ liệu là quyền tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự.

Nghị định 13/2023/NĐ-CP quy định việc các bên cần xác định mình là Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân hay Bên Thứ ba tùy thuộc vào vai trò quyết định đối với dữ liệu cá nhân thu thập được. Luật Dữ liệu đã phân chia dưới góc độ rộng hơn, trong đó vẫn giữ khái niệm chủ thể dữ liệu là các chủ thể (gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân) được dữ liệu phản ánh. Do dữ liệu được định hướng như một loại tài sản, vì vậy sẽ định vị được một đối tượng khác là chủ sở hữu dữ liệu. Đồng thời, chủ sở hữu dữ liệu trong một số trường hợp sẽ không trực tiếp xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu mà uỷ quyền, thuê một bên khác có chuyên môn thực hiện những việc này, khi đó có thể xác định bên này là chủ quản dữ liệu.

PHẦN II

CÁC NGHĨA VỤ TUÂN THỦ CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, BẢO VỆ, QUẢN TRỊ, XỬ LÝ, SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Luật Dữ liệu và các văn bản hướng dẫn đã tạo ra hành lang pháp lý, khuyến khích đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu. Tuy nhiên, bên cạnh đó, các tổ chức, doanh nghiệp cũng cần phải tuân thủ các nghĩa vụ trong quá trình xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

Để dễ dàng trong việc theo dõi và tuân thủ, các nghĩa vụ này đã được thống kê và sẽ được trình bày theo quá trình các bên xử lý dữ liệu, từ bước thu thập, tạo lập, phân loại, lưu trữ cho đến chuyển, xoá, huỷ dữ liệu. Đặc biệt, các doanh nghiệp cũng cần tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu, các biện pháp bảo vệ dữ liệu cần áp dụng trong quá trình xử lý, giám sát bảo mật dữ liệu để đảm bảo kịp thời phát hiện những rủi ro an ninh tiềm ẩn, từ đó áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn. Ngoài các biện pháp bảo vệ dữ liệu đặc thù, việc bảo vệ dữ liệu sẽ cần diễn ra suốt quá trình xử lý dữ liệu và sẽ được trình bày song song tại các giai đoạn tương ứng.

Theo đó, để có thể bảo vệ dữ liệu trong quá trình xử lý, các phương pháp thường được áp dụng và cũng được nêu rõ xuyên suốt các quy định pháp luật sẽ bao gồm (1) Có các quy định, quy trình nội bộ cụ thể; và (2) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp để tuân thủ các yêu cầu quy định pháp luật. Hai phương pháp này cũng sẽ được trình bày rõ tại từng giai đoạn xử lý dữ liệu

Việc tuân thủ các nghĩa vụ cũng được phân chia ra đối với dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi và dữ liệu khác, sẽ được trình bày kỹ hơn ở phần dưới đây:

1. Phân loại dữ liệu

Phân loại dữ liệu là một hoạt động quan trọng cần thực hiện trước khi dữ liệu được thu thập, tạo lập và sau khi tiếp nhận, quản lý các tập dữ liệu. Việc này được thực hiện nhằm bảo đảm việc xử lý và quản trị dữ liệu được thực hiện đúng mục đích, đúng trách nhiệm và phù hợp với mức độ tác động của từng loại dữ liệu. Theo khoản 2 Điều 13 Luật Dữ liệu 2024, nghĩa vụ phân loại dữ liệu theo tính chất quan trọng của dữ liệu gồm dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu khác là trách nhiệm của chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu. Việc phân loại dữ liệu sẽ được thực hiện theo các tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi được quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định 165, theo đó sẽ căn cứ theo mức độ có thể tác động của dữ liệu đến quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng khi bị thu thập, sử dụng trái phép (không bao gồm bí mật nhà nước).

Các tổ chức, doanh nghiệp khi phân loại dữ liệu cũng cần căn cứ vào Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi. Theo đó, các bên cần rà soát các tập dữ liệu của mình với danh mục này, từ đó xác định các tập dữ liệu quan trọng, cốt

lỗi, từ đó là cơ sở để thực hiện các nghĩa vụ tiếp theo tương ứng với quá trình xử lý dữ liệu, bao gồm nghĩa vụ phải tuân thủ khi xử lý dữ liệu, bao gồm khi thu thập, tạo lập; lưu trữ; truy cập, truy xuất; kết nối, chia sẻ, điều phối; xác nhận, xác thực; công khai; mã hoá, giải mã; chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, chuyển dữ liệu vì tổ chức lại, giải thể, phá sản; uỷ thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động xử lý dữ liệu; xoá, huỷ dữ liệu được trình bày từ mục 2.2 đến mục 2.13 dưới đây.

2. Thu thập, tạo lập dữ liệu

Theo khoản 1 Điều 11 Luật Dữ liệu, dữ liệu được thu thập, tạo lập từ các nguồn bao gồm: trực tiếp tạo lập; số hóa giấy tờ, tài liệu và các dạng vật chất khác. Dữ liệu gốc được tạo lập có giá trị sử dụng như bản chính giấy tờ, tài liệu, các dạng vật chất khác được số hóa. Với tầm quan trọng của dữ liệu gốc và việc tạo lập dữ liệu, các tổ chức, doanh nghiệp cần chịu trách nhiệm đối với dữ liệu do mình thu thập, tạo lập theo quy định pháp luật, đồng thời cũng phải áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong quá trình thu thập, tạo lập dữ liệu (điểm c Khoản 3 Điều 11 Luật Dữ liệu, khoản 2 Điều 17 Nghị định 165).

Riêng đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, theo khoản 2 Điều 17 Nghị định 165, các tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện các biện pháp bảo vệ sau để quá trình thu thập dữ liệu diễn ra đảm bảo an toàn, đúng quy trình:

- Xây dựng quy trình thu thập, tạo lập dữ liệu;
- Tiến hành đánh giá, áp dụng các biện pháp bảo vệ trước khi thu thập, tạo lập dữ liệu;
- Kiểm tra tính xác thực, chính xác của dữ liệu;
- Truy xuất nguồn gốc dữ liệu.

3. Lưu trữ dữ liệu

Sau khi thu thập, tạo lập dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu sẽ có quyền quyết định việc lưu trữ dữ liệu do mình thu thập, tạo lập, sở hữu; tuy nhiên sẽ cần quy định thời hạn lưu trữ cụ thể, đồng thời có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu theo phương pháp, thời hạn theo các quy định pháp luật có liên quan theo khoản 1 Điều 5 và khoản 3 Điều 17 Nghị định 165. Để thực hiện tốt quy định này, các chủ sở hữu dữ liệu cần đảm bảo rà soát toàn bộ các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến dữ liệu của mình để từ đó có những quy định thời hạn và phương pháp lưu trữ cụ thể tương ứng.

Riêng đối với dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu phải thực hiện thêm các biện pháp bảo vệ sau khi lưu trữ dữ liệu:

- Xây dựng quy trình lưu trữ dữ liệu, trong đó quy định về quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu, ghi nhật ký lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu;
- Xây dựng hệ thống quản lý lưu trữ dữ liệu;
- Áp dụng các công cụ, biện pháp kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu trong quá trình lưu trữ, tự động thực hiện việc sao lưu, phục hồi dữ liệu;

- Thực hiện xóa, hủy dữ liệu khi hết thời hạn lưu trữ hoặc dữ liệu không còn cần thiết cho mục đích xử lý.

4. Truy cập, truy xuất dữ liệu

Truy cập dữ liệu là hoạt động tiếp cận, tác động tới dữ liệu theo đúng quyền được giao, bao gồm truy cập đọc, truy cập ghi, truy cập sửa, truy cập xóa, truy cập thực thi và các loại truy cập khác do chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quy định. Còn truy xuất dữ liệu là hoạt động truy cập và trích xuất dữ liệu, bao gồm truy xuất thủ công, truy xuất tự động, truy xuất theo thời gian thực và các loại truy xuất khác do chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quy định.

Việc truy cập, truy xuất dữ liệu phải tuân thủ quy định, quy trình kỹ thuật về truy cập, truy xuất dữ liệu; bảo đảm an ninh, an toàn và đúng mục đích. Đồng thời, cũng cần tuân thủ nguyên tắc chỉ truy cập, truy xuất dữ liệu trong phạm vi quyền được giao và cần thiết cho mục đích được xác định.

Quá trình xử lý, sử dụng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ yếu tập trung vào việc truy cập dữ liệu, cần đảm bảo triển khai đầy đủ các biện pháp bảo vệ được quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định 165. Trong đó, quan trọng nhất, cần xây dựng, triển khai quy chế và xây dựng hệ thống kiểm soát truy cập dữ liệu, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc đặc quyền tối thiểu, phân chia nhiệm vụ và thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo quy định. Ngoài ra, cũng cần xây dựng hệ thống kiểm soát truy cập dữ liệu, trong đó thiết lập nền tảng quản lý truy cập và nhận dạng thống nhất; áp dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu, kiểm soát việc truy cập, truy xuất dữ liệu trong quá trình xử lý, sử dụng dữ liệu.

5. Kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu

Theo khoản 1 Điều 17 Luật Dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu cho người dùng dữ liệu theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận, bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một bên trung gian.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia sẽ được thực hiện qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, cổng dữ liệu, qua tập tin và các phương thức khác tùy theo thỏa thuận chia sẻ giữa các bên. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 36 Luật Dữ liệu, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và được thực hiện trên cơ sở thống nhất bằng văn giữa Bộ Công an và chủ sở hữu dữ liệu.

6. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước

Theo khoản 2 Điều 18 Luật Dữ liệu, Tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý trong các trường hợp sau đây:

- (1) Ứng phó với tình trạng khẩn cấp;
- (2) Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp;

(3) Thảm họa;

(4) Phòng, chống bạo loạn, khủng bố.

Việc cung cấp dữ liệu theo điều khoản này sẽ được thực hiện theo văn bản yêu cầu hoặc hình thức khác đảm bảo xác nhận về việc yêu cầu cung cấp dữ liệu, theo đó chỉ rõ loại dữ liệu, mức độ chi tiết, khối lượng dữ liệu, tần suất truy cập dữ liệu, phương thức cung cấp dữ liệu, cơ sở pháp lý, căn cứ, lý do của yêu cầu, mục đích sử dụng dữ liệu, thời hạn sử dụng và thời hạn cần cung cấp dữ liệu, các hoạt động xử lý dữ liệu dự kiến sẽ thực hiện. Đặc biệt, các bên có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước sửa đổi, rút lại yêu cầu cung cấp dữ liệu trong các trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu trái với quy định của Luật dữ liệu và các luật khác có liên quan; phạm vi dữ liệu quản lý của chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu không nằm trong yêu cầu cung cấp dữ liệu; vì lý do khách quan mà dữ liệu không còn tồn tại.

Đối với các trường hợp tự nguyện cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước cho các mục tiêu vì lợi ích chung như chăm sóc sức khỏe, biến đổi khí hậu, cải thiện giao thông, tạo điều kiện cho việc tổng hợp và phổ biến số liệu thống kê chính thức, cải thiện việc cung cấp dịch vụ công, hoạch định chính sách công hoặc mục đích nghiên cứu khoa học; tổ chức, cá nhân chia sẻ, cung cấp dữ liệu một cách tự nguyện nhưng phải đảm bảo trên cơ sở **có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu để xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến họ hoặc sự cho phép của chủ sở hữu dữ liệu để cho phép sử dụng dữ liệu phi cá nhân của họ.**

7. Xác nhận, xác thực dữ liệu

Theo khoản 1, 2 Điều 20 Luật Dữ liệu, xác nhận dữ liệu được thực hiện bởi chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; dữ liệu được xác nhận có giá trị chứng minh sự tồn tại, thời gian, nơi lưu trữ của dữ liệu. Xác thực dữ liệu được thực hiện bởi chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu tạo lập dữ liệu gốc, tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử, Trung tâm dữ liệu quốc gia. Dữ liệu đã được xác thực có giá trị tương đương với dữ liệu gốc được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác trong phạm vi và thời gian nhất định.

Theo Điều 9 Nghị định 165, khi thực hiện xác nhận, xác thực dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu, mức độ tin cậy, hợp pháp của dữ liệu do mình cung cấp, xác nhận; xây dựng quy trình, hình thức và tổ chức hoạt động xác nhận dữ liệu. Phạm vi và thời gian của việc xác thực dữ liệu do chủ sở hữu dữ liệu quyết định. Việc xác nhận, xác thực dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về xác thực điện tử và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Công khai dữ liệu

Việc công khai dữ liệu phải bảo đảm phản ánh đúng dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng, chia sẻ. Đồng thời, dữ liệu được công khai, công khai có điều kiện, không được công khai phải căn cứ vào thông tin được dữ liệu phản ánh theo quy định của pháp luật về

tiếp cận thông tin. Chủ sở hữu dữ liệu phải phân tích, đánh giá tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng trước khi công khai dữ liệu.

9. Mã hoá, giải mã dữ liệu

Theo khoản 1 Điều 22 Luật Dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quyết định việc mã hóa, giải mã dữ liệu. Theo đó, tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 165, cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng một hoặc nhiều giải pháp mã hóa và quy trình mã hóa, giải mã phù hợp với hoạt động quản trị, quản lý dữ liệu của mình gồm:

- (1) Giải pháp mã hóa dữ liệu khi truyền tải dữ liệu;
- (2) Giải pháp mã hóa dữ liệu khi lưu trữ dữ liệu;
- (3) Giải pháp mã hóa dữ liệu trên thiết bị số;
- (4) Giải pháp bảo mật phần cứng nhằm phòng chống truy cập trái phép và bảo đảm rằng các thao tác mã hóa/giải mã chỉ được thực hiện trong môi trường an toàn;
- (5) Quy trình giải mã yêu cầu xác thực danh người thực hiện giải mã dữ liệu, xác định và cấp quyền truy cập dữ liệu đã được mã hóa;
- (6) Giải pháp ghi lại các hoạt động mã hóa và giải mã nhằm bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch, công bằng và phục vụ tra cứu;
- (7) Các giải pháp, quy trình khác theo quy định của pháp luật.

10. Chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số mạnh mẽ, việc dữ liệu được truyền dẫn và xử lý qua biên giới quốc gia trở nên phổ biến, đặc biệt trong các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, hợp tác nghiên cứu hoặc vận hành hệ thống thông tin đặt tại nước ngoài. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra nhiều rủi ro nghiêm trọng liên quan đến quyền riêng tư cá nhân, an ninh quốc gia và chủ quyền dữ liệu. Do đó, việc ban hành các quy định chặt chẽ về chuyển và xử lý dữ liệu xuyên biên giới là cần thiết và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo vệ chủ quyền dữ liệu và an ninh quốc gia, bảo đảm quyền lợi cá nhân và tổ chức trong nước, tạo khung pháp lý rõ ràng cho các bên tuân thủ, đảm bảo hoạt động hợp pháp.

Theo khoản 3 Điều 23 Luật Dữ liệu, việc chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, văn bản giao giao kết giữa bên chuyển dữ liệu và bên nhận dữ liệu, phải xác định rõ một số nội dung cơ bản như mục đích, phương pháp và phạm vi xuất dữ liệu, mục đích và phương pháp xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu; địa điểm và thời gian lưu trữ dữ liệu, các biện pháp xử lý dữ liệu sau khi hết thời hạn lưu trữ, hoàn thành mục tiêu đã thỏa thuận; yêu cầu ràng buộc đối với bên nhận dữ liệu về việc cung cấp dữ liệu đã được chuyển giao

cho bên thứ ba; các biện pháp bảo vệ dữ liệu mà bên nhận dữ liệu sẽ sử dụng; biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, trách nhiệm xử lý vi phạm hợp đồng, biện pháp giải quyết tranh chấp đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu; trách nhiệm của các bên trong việc xử lý dữ liệu.

Các quy định về chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đặc biệt chú trọng đến chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng. Theo đó, khoản 2 Điều 12 Nghị định 165 quy định chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu khi cần chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới thì thực hiện đánh giá tác động. Việc đánh giá tác động sẽ được thể hiện qua **Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới và được trình bày chi tiết tại mục III.**

Ngoài ra, theo khoản 9 Điều 12 Nghị định 165, các bên cần **ngừng** hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng nếu dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng đã được chuyển, xử lý xuyên biên giới được sử dụng vào các hoạt động xâm phạm quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bên chuyển dữ liệu không chấp hành quy định; có hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ dữ liệu.

11. Chuyển dữ liệu vì tổ chức lại, giải thể, phá sản

Trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp giải thể, phá sản, theo khoản 8 Điều 17 Nghị định 165, các tổ chức, doanh nghiệp cần làm rõ kế hoạch chuyển dữ liệu và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng. Đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, các tổ chức còn cần áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn dữ liệu và báo cáo phương án xử lý dữ liệu, tên hoặc thông tin của bên tiếp nhận cho cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

12. Ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động xử lý dữ liệu

Các quy định về ủy thác xử lý dữ liệu là cần thiết để bảo đảm dữ liệu vẫn được xử lý an toàn, đúng mục đích và trong phạm vi cho phép, ngay cả khi bên thứ ba thay mặt thực hiện. Việc yêu cầu ký kết hợp đồng ủy thác, quy định rõ trách nhiệm, giới hạn xử lý và nghĩa vụ bảo mật giúp kiểm soát rủi ro phát sinh, tránh tình trạng lạm dụng hoặc làm rò rỉ dữ liệu. Đồng thời, quy định này cũng tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho các mô hình dịch vụ dữ liệu thuê ngoài, thúc đẩy hoạt động chuyên môn hoá và phát triển hệ sinh thái dữ liệu một cách bền vững.

Theo khoản 9 Điều 17 Nghị định 165, khi thực hiện ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động xử lý dữ liệu, các bên cần làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ bảo mật dữ liệu của bên ủy thác và bên được ủy thác thông qua hợp đồng, thỏa thuận ủy thác. Đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, bên ủy thác phải xác minh năng lực, trình độ bảo vệ dữ liệu của bên được ủy thác.

13. Hoạt động khác trong xử lý dữ liệu: thu hồi, xóa, hủy dữ liệu

Theo khoản 1 Điều 26 Luật Dữ liệu, chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập quy trình, triển khai các biện pháp, phương thức thu hồi, xóa hoặc hủy dữ liệu

theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu. Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định 165 nêu rõ việc xóa, hủy dữ liệu được thực hiện trong 72 giờ sau khi có yêu cầu của chủ thể dữ liệu và phải thông báo kết quả xử lý thu hồi, xóa, hủy dữ liệu cho chủ sở hữu dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp không thể xóa, hủy dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu phải ngừng xử lý, sử dụng dữ liệu.

Đối với trường hợp xóa, hủy dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, theo khoản 7 Điều 17 Nghị định 165, thì chủ quản dữ liệu phải có tài liệu chứng minh hoạt động xóa, hủy dữ liệu bảo đảm không thể khôi phục.

14. Xác định, quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu

Quy định về xác định và quản lý rủi ro trong xử lý dữ liệu đóng vai trò then chốt trong việc phát hiện sớm, ngăn ngừa và giảm thiểu các sự cố có thể gây ảnh hưởng đến an ninh dữ liệu và quyền lợi của chủ thể dữ liệu. Doanh nghiệp có trách nhiệm đánh giá định kỳ các rủi ro phát sinh từ hoạt động xử lý, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu, đặc biệt với dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng, đồng thời xây dựng phương án ứng phó, quy trình kiểm soát nội bộ và kế hoạch khắc phục hậu quả. Quy trình này không chỉ giúp bảo đảm tuân thủ pháp luật, mà còn tăng cường khả năng tự bảo vệ và nâng cao uy tín tổ chức trong môi trường số.

Theo Khoản 3 Điều 25 Luật Dữ liệu, khoản 1 Điều 15 Nghị định 165, chủ quản dữ liệu tự đánh giá, xác định rủi ro. Các loại rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu bao gồm:

(1) Rủi ro quyền riêng tư xảy ra do không tuân thủ quy định của pháp luật về quyền riêng tư của dữ liệu trong quá trình xử lý và chuyển dữ liệu.

(2) Rủi ro an ninh mạng xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ dữ liệu không được công khai khỏi những truy cập trái phép từ các đối tượng bên ngoài hoặc dữ liệu bị rò rỉ ra bên ngoài.

(3) Rủi ro nhận dạng và quản lý truy cập xảy ra do không bảo đảm việc bảo vệ dữ liệu không được công khai khỏi những truy cập trái phép.

(4) Rủi ro khác trong xử lý dữ liệu bao gồm: rủi ro chia sẻ dữ liệu xảy ra khi không có khả năng duy trì quyền kiểm soát đối với dữ liệu đã chia sẻ; rủi ro quản lý dữ liệu xảy ra do chất lượng của dữ liệu không đảm bảo.

Các bên cũng cần kịp thời khắc phục rủi ro phát sinh và thông báo cho chủ thể dữ liệu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, theo khoản 4 Điều 25 Luật Dữ liệu, các bên phải định kỳ tiến hành đánh giá rủi ro đối với các hoạt động xử lý dữ liệu theo quy định; đồng thời thông báo tới đơn vị chuyên trách về an ninh mạng, an toàn thông tin thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu. **Hồ sơ đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng được trình bày chi tiết tại mục III.**

Một số biện pháp phòng ngừa rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu theo khoản 2 Điều 15 Nghị định 165 bao gồm:

- (1) Thực hiện sao lưu dữ liệu thường xuyên và bảo đảm an toàn;
- (2) Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống nhằm duy trì và cải thiện hiệu suất, tính năng, tính bảo mật và tính nhất quán của hệ thống cơ sở dữ liệu; có biện pháp ứng phó khôi phục hệ thống để bảo đảm tính liên tục của hệ thống;
- (3) Thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo quy định;
- (4) Phân cấp chặt chẽ quyền truy cập đối với từng loại dữ liệu để phòng ngừa việc truy cập dữ liệu trái phép;
- (5) Sử dụng các hệ thống giám sát và phát hiện xâm nhập để theo dõi hoạt động mạng và phát hiện các hành vi bất thường hoặc truy cập trái phép;
- (6) Cài đặt và duy trì các phần mềm bảo mật;
- (7) Thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ hàng năm để xác định các lỗ hổng trong hệ thống và áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tương ứng;
- (8) Xây dựng phương án, kế hoạch xử lý sự cố để chủ động, kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố;
- (9) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng bảo vệ dữ liệu, cách nhận biết các mối đe dọa, cách xử lý khi phát hiện rủi ro bảo mật; thường xuyên diễn tập phòng ngừa sự cố, giám sát, phát hiện, bảo đảm kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố;
- (10) Các biện pháp khác theo quy định pháp luật.

15. Bảo vệ dữ liệu

Theo khoản 1 Điều 27 Luật Dữ liệu, các biện pháp bảo vệ dữ liệu được áp dụng trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu, bao gồm:

- (1) Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, quy định bảo vệ dữ liệu;
- (2) Quản lý hoạt động xử lý dữ liệu;
- (3) Xây dựng và triển khai các giải pháp kỹ thuật;
- (4) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, quản lý nguồn nhân lực;
- (5) Các biện pháp bảo vệ dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

Các biện pháp về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, quy định bảo vệ dữ liệu và xây dựng, triển khai các biện pháp kỹ thuật cần đảm bảo theo các yêu cầu cụ thể theo từng giai đoạn xử lý dữ liệu như đã trình bày ở các phần trên.

Trong quản lý các hoạt động xử lý dữ liệu và trong quá trình xử lý dữ liệu, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chủ quản dữ liệu phải thiết lập hệ thống quản lý việc bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu. Đồng thời chủ quản dữ liệu có trách nhiệm làm rõ phạm vi, yêu cầu, thủ tục, xây dựng quy chế bảo vệ và áp dụng các biện pháp bảo

vệ dựa trên phân loại, mức độ và mục đích, trường hợp ứng dụng của dữ liệu được cung cấp ra bên ngoài.

Đặc biệt, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải ghi nhật ký xử lý dữ liệu trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu. Nhật ký được lưu giữ trong **thời gian ít nhất sáu tháng**.

Về các biện pháp nhân sự, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng **phải xác định người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu và bộ phận bảo vệ an toàn dữ liệu**. Đồng thời, khuyến nghị các bên quy định đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của các đối tượng này tại các văn bản chỉ định nhân sự và bộ phận. Theo đó:

- Người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu có chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng bao gồm:

(1) Tổ chức xây dựng các kế hoạch bảo vệ an toàn dữ liệu quan trọng, tổ chức đánh giá rủi ro;

(2) Thực hiện báo cáo trực tiếp về tình hình bảo vệ dữ liệu cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

(3) Phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ dữ liệu.

- Bộ phận bảo vệ an toàn dữ liệu có chức năng, nhiệm vụ như sau:

(1) Phát triển, triển khai hệ thống quản lý bảo vệ dữ liệu, quy trình vận hành, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp sự cố bảo vệ dữ liệu;

(2) Định kỳ tổ chức và thực hiện các hoạt động như giám sát rủi ro an toàn dữ liệu, đánh giá rủi ro, diễn tập khẩn cấp, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, giải quyết kịp thời các rủi ro, sự cố an toàn dữ liệu mạng;

(3) Nghiên cứu và đề xuất các quyết định liên quan đến bảo vệ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng;

(4) Tiếp nhận và xử lý các báo cáo về bảo vệ dữ liệu của đơn vị.

Đồng thời chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng phải thực hiện làm rõ các yêu cầu quản lý an toàn trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, giới thiệu, luân chuyển, từ chức, đánh giá và lựa chọn nhân sự; không bố trí những người có tiền án trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông làm người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu; ký thỏa thuận trách nhiệm bảo mật với nhân viên xử lý dữ liệu; xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo về bảo vệ dữ liệu hàng năm.

16. Giám sát bảo mật dữ liệu, cảnh báo sớm và quản lý khẩn cấp

Nội dung giám sát bảo mật dữ liệu, cảnh báo sớm và quản lý khẩn cấp theo khoản 1 Điều 19 Nghị định 165 gồm thiết lập cơ chế giám sát rủi ro an toàn dữ liệu; tổ chức soạn thảo các giao diện, tiêu chuẩn giám sát; xây dựng cơ chế báo cáo, chia sẻ thông tin rủi ro an toàn dữ liệu, thống nhất thu thập, phân tích, đánh giá, báo cáo thông tin rủi ro an toàn dữ liệu; xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp sự cố an toàn dữ liệu. Các bên cần thông báo kịp thời cho cá nhân, tổ chức liên quan về các sự cố an toàn dữ liệu có thể gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp

của cá nhân, tổ chức và đưa ra các biện pháp giảm thiểu thiệt hại. Đồng thời, sau khi xảy ra sự cố an toàn dữ liệu, phải kịp thời tiến hành ứng phó khẩn cấp theo kế hoạch ứng phó khẩn cấp, báo cáo các sự cố bảo mật liên quan đến dữ liệu quan trọng và dữ liệu cốt lõi cho Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý trong thời gian sớm nhất có thể.

Chủ quản dữ liệu phải thực hiện giám sát rủi ro an toàn dữ liệu, kịp thời điều tra các rủi ro an ninh tiềm ẩn và áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa rủi ro an toàn dữ liệu. Ngoài ra, chủ quản dữ liệu tóm tắt và phân tích riêng các rủi ro bảo mật dữ liệu trong phạm vi quản lý, đồng thời báo cáo kịp thời các rủi ro có thể gây ra các sự cố bảo mật lớn về Bộ Công an.

Đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu thực hiện diễn tập kế hoạch dự phòng đối với các sự cố an toàn dữ liệu quan trọng, cốt lõi định kỳ 06 tháng/lần, lưu hồ sơ diễn tập và báo cáo tóm tắt diễn tập, và cập nhật kịp thời các kế hoạch dự phòng theo những thay đổi lớn trong chính hệ thống xử lý dữ liệu hoặc môi trường bên ngoài.

NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 20/2025/QĐ-TTg NGÀY 01/7/2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH DANH MỤC DỮ LIỆU QUAN TRỌNG, DỮ LIỆU CỐT LÕI

Ngày 30/11/2024, tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Dữ liệu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 (Luật số 60/2024/QH15). Trong đó, khoản 6, 7 Điều 3 Luật Dữ liệu quy định như sau:

“6. Dữ liệu quan trọng là dữ liệu có thể tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

7. Dữ liệu cốt lõi là dữ liệu quan trọng trực tiếp tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành”.

Bộ Công an giới thiệu Quyết định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho việc tạo dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong nước, tiến tới kết nối với khu vực ASEAN và quốc tế”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định “Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu”.

- Ngày 30/11/2024, kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Dữ liệu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Luật Dữ liệu quy định về dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi tại khoản 6, 7 Điều 3 như sau: “*Dữ liệu quan trọng là dữ liệu có thể tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành*” và “*Dữ liệu cốt lõi là dữ liệu quan trọng trực tiếp tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, sức khỏe và an toàn cộng đồng thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành*”.

- Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 08. Trong đó, giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, Chính phủ đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, xác định dữ liệu là tài nguyên quan trọng, đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Việc xác định rõ danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi giúp tối ưu hóa khai thác, chia sẻ và sử dụng tài nguyên dữ liệu, đảm bảo hiệu quả trong chuyển đổi số.

Ngày 30/11/2024, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Dữ liệu, trong đó có quy định về việc phân loại theo tính chất dữ liệu bao gồm: dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu khác,... Do vậy việc xác định dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân ưu tiên bảo vệ, lưu trữ dữ liệu, thuận tiện trong xác định loại dữ liệu có thể chuyển, xử lý xuyên biên giới cũng như xử lý các rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu, đặc biệt đối với các dữ liệu có mức độ ảnh hưởng tới quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội; sức khỏe và an toàn cộng đồng. Việc xác định loại dữ liệu giúp hạn chế rủi ro trong việc mất mát hoặc lạm dụng dữ liệu, đảm bảo tính minh bạch trong quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, việc xây dựng danh mục dữ liệu sẽ giúp các cơ quan nhà nước có cơ sở phối hợp, chia sẻ dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, hạn chế tình trạng dữ liệu bị phân tán, trùng lặp.

Một số loại dữ liệu như dân cư, đất đai, tài chính, y tế và giáo dục là các yếu tố then chốt trong việc hoạch định và triển khai chính sách, do đó việc xây dựng danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi giúp đảm bảo tính liên tục, thống nhất và minh bạch trong đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, tạo điều kiện phát triển hệ sinh thái dữ liệu quốc gia, thúc đẩy hiện đại hoá và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và phát triển kinh tế - xã hội dựa trên tài nguyên dữ liệu.

Vì vậy, việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi là rất cần thiết, phù hợp với đường lối, chủ

trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, quy định của Luật Dữ liệu và bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, phân loại, sử dụng dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi; quản lý nhà nước về dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi tạo sự thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

2. Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, đáp ứng chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số của Đảng, Nhà nước và yêu cầu hội nhập của nước ta với các nước trong khu vực và thế giới. Thể chế hóa, hoàn thiện hành lang pháp lý để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển và khai thác dữ liệu, cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

2. Thể chế hóa kịp thời các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển và khai thác có hiệu quả dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi phù hợp tình hình kinh tế, xã hội và hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân ở Việt Nam;

3. Việc xây dựng Quyết định được tiến hành trên cơ sở thực tiễn; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc tạo lập, khai thác, sử dụng dữ liệu, cơ sở dữ liệu bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật;

4. Đảm bảo tính khả thi của các quy định; đáp ứng yêu cầu hội nhập của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục và nội dung cơ bản của Quyết định

Bao gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thực hiện hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thi hành Quyết định này đối với các dữ liệu thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phân loại dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Công an đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng

2.1. Danh mục dữ liệu cốt lõi

- Dữ liệu về biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về chiến lược, đề án, dự án phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu của cơ quan nhà nước chưa công khai.

- Dữ liệu về hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa công khai.

- Dữ liệu về hoạt động đầu tư, mua sắm trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu, dự trữ quốc gia chưa công khai.

- Dữ liệu về các công trình quân sự, quốc phòng, an ninh, cơ yếu, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia chưa công khai.

- Dữ liệu về chiến lược, chính sách, quy trình và hoạt động giám sát, phòng chống, ứng phó sự cố an ninh mạng, bảo vệ hạ tầng thông tin trọng yếu của cơ quan nhà nước chưa công khai.

- Dữ liệu về quy hoạch tần số vô tuyến điện phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu, cơ quan Đảng chưa công khai.

- Dữ liệu thống kê về môi trường phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu thống kê về khí tượng thủy văn phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

+ Dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

+ Dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;

+ Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

+ Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

+ Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

+ Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

+ Kết quả nghiên cứu khoa học, chương trình, dự án về khí tượng thủy văn; kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

- Dữ liệu về hoạt động của Đảng do cơ quan Đảng thu thập, quản lý, chưa công khai bao gồm:

+ Dữ liệu về công tác tổ chức xây dựng;

+ Dữ liệu về đường lối, chủ trương thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

+ Dữ liệu về công tác đối ngoại;

+ Dữ liệu về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; hoạch định đường lối, chủ trương, biện pháp lớn, quan trọng về kinh tế - xã hội;

+ Dữ liệu về công tác tuyên giáo, dân vận;

+ Dữ liệu về đường lối, chủ trương thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường;

+ Dữ liệu về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí;

+ Dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật.

- Dữ liệu về thông tin đối ngoại của cơ quan nhà nước chưa công khai.

- Dữ liệu do cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế chuyển giao theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cần bảo vệ, chưa công khai.

- Dữ liệu về hoạt động của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do cơ quan nhà nước quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về đề án cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành, địa phương chưa công khai:

+ Dữ liệu về đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ;

+ Dữ liệu về đề án cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương.

- Dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu chưa công khai.

- Dữ liệu về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo do cơ quan nhà nước quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về tài nguyên nước, khoáng sản quý hiếm do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu không gian địa lý, dữ liệu ảnh hàng không và dữ liệu ảnh viễn thám về các khu vực, địa điểm trọng yếu phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về đất đai, biển và hải đảo do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

+ Dữ liệu về chính sách tài chính - ngân sách nhà nước trình cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chiến lược, kế hoạch 5 năm về tài chính - ngân sách; đề án tái cơ cấu ngân sách nhà nước, nợ công, an ninh tài chính quốc gia ở tầm vĩ mô;

+ Dữ liệu về dự trữ quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

+ Dữ liệu về hoạt động nghiệp vụ của cơ quan hải quan;

+ Dữ liệu về phương án, kế hoạch thu, đổi, phát hành tiền; thiết kế mẫu, chế tạo bản in, khuôn đúc, công nghệ in, đúc tiền và giấy tờ có giá: số lượng, nơi lưu giữ kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của Nhà nước.

- Dữ liệu về số lượng, địa bàn hoạt động của phương tiện đánh bắt khai thác thủy, hải sản do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về kế hoạch, chiến lược, đề án, dự án phát triển đối với đồng bào dân tộc thiểu số do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về hoạt động của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân, năng lượng quốc gia, các kế hoạch, chiến lược, đề án, dự án phát triển năng lượng quốc gia do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về y tế do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

+ Số người mắc, người chết do bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm mới phát sinh chưa rõ tác nhân gây bệnh;

+ Dữ liệu về việc thử nghiệm, sản xuất, dự trữ thuốc và dụng cụ, thiết bị y tế phạm vi quốc gia;

+ Tên, nguồn gốc, độc lực, khả năng lây lan, đường lây của các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới phát hiện, chưa xác định được có liên quan đến sức khỏe, tính mạng con người, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội;

+ Dữ liệu chứng chỉ hành nghề của nhân lực chuyên môn y tế;

+ Dữ liệu về thông tin lưu hành đối với lĩnh vực dược, thiết bị y tế.

- Dữ liệu về tổ chức, công dân chưa công khai bao gồm:
 - + Dữ liệu công dân cơ bản của 1.000.000 công dân Việt Nam trở lên;
 - + Dữ liệu công dân nhạy cảm của 100.000 công dân Việt Nam trở lên;
 - + Dữ liệu về tài khoản ngân hàng, lịch sử thanh toán, nghĩa vụ nợ của 100.000 doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam trở lên.

2.2. Danh mục dữ liệu quan trọng

- Dữ liệu bao gồm dữ liệu cốt lõi.
 - Dữ liệu về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.
 - Dữ liệu về hoạt động điều tra, đấu tranh, phòng chống tội phạm, xâm phạm an ninh quốc gia và xử lý vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.
 - Dữ liệu thuộc lĩnh vực nội vụ do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:
 - + Dữ liệu về biên chế của cơ quan Đảng, Nhà nước;
 - + Dữ liệu về kế hoạch, chương trình, đề án chính sách tiền lương của cơ quan Đảng, Nhà nước;
 - + Dữ liệu về đăng ký, quản lý Hội, tổ chức phi chính phủ.
 - Dữ liệu thuộc lĩnh vực giao thông vận tải do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:
 - + Dữ liệu về kế hoạch, chương trình, đề án bảo đảm an toàn, an ninh hàng không, hàng hải;
 - + Dữ liệu về điều tra tai nạn giao thông; sự cố kết cấu hạ tầng giao thông;
 - + Dữ liệu về bản đồ tuyến đường, mạng lưới vận tải;
 - + Dữ liệu thông tin tích hợp phục vụ điều khiển đoàn tàu và vận hành mạng lưới đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị; dữ liệu thông tin phục vụ công tác bảo trì hệ thống đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị.
 - Dữ liệu về tác phẩm, cuộc biểu diễn do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.
 - Dữ liệu về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai, trừ các dữ liệu tương đương được quy định tại dữ liệu cốt lõi nêu trên.
 - Dữ liệu về điều tra, giải quyết sự cố môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận.
 - Dữ liệu thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng của cơ quan nhà nước chưa công khai.

- Dữ liệu về quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu thuộc lĩnh vực công nghiệp và vật liệu hàng hóa chiến lược do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

+ Dữ liệu về nơi sản xuất, quy hoạch tuyến đường vận chuyển, tình trạng sản xuất và bán hàng, phương pháp sản xuất hóa chất độc hại thuộc lĩnh vực công nghiệp hoá chất;

+ Dữ liệu năng lực sản xuất thép đặc biệt, lộ trình công nghệ xử lý, dữ liệu năng lực sản xuất, thông tin dự trữ, điểm đến tiêu thụ, thống kê dự trữ kim loại màu, dữ liệu năng lực sản xuất, khối lượng mua sắm và dữ liệu liên quan đến giá trị ứng dụng quan trọng và số liệu về xuất nhập khẩu;

+ Dữ liệu về dự trữ, khai thác và sử dụng tài nguyên đất hiếm và các loại khoáng sản quý hiếm khác;

+ Dữ liệu về trữ lượng, hoạt động sản xuất, điều phối than, khí đốt, dầu mỏ;

+ Dữ liệu về điều tra, xử lý vụ việc vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực công nghiệp và vật liệu hàng hóa chiến lược.

- Dữ liệu trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

+ Dữ liệu về hệ thống hồ, đập, đê điều, công trình thủy lợi;

+ Dữ liệu thống kê nông nghiệp, nông thôn; nguồn gen quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng của cây trồng, gia súc, gia cầm, thủy sản;

+ Dữ liệu thanh tra và giám sát, dữ liệu phòng chống dịch bệnh và kiểm dịch do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai.

- Dữ liệu về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước chưa công khai.

- Dữ liệu trong lĩnh vực thông tin truyền thông do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

+ Dữ liệu về mạng đường trục viễn thông cơ bản như quy hoạch và trạng thái xây dựng mạng đường trục, dữ liệu vận hành và bảo trì, dữ liệu tài nguyên chính và dữ liệu triển khai liên lạc khẩn cấp;

+ Dữ liệu về kế hoạch và xây dựng, vận hành và bảo trì các mạng phát thanh và truyền hình;

+ Dữ liệu chứa nội dung sáng tạo nghe nhìn, phạm vi truyền tải nghe nhìn và dữ liệu về giám sát, nghe nhìn do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai;

+ Dữ liệu liên quan đến việc xây dựng, triển khai tài nguyên và bảo mật hệ thống thông tin quan trọng.

- Dữ liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:

- + Dữ liệu về quy trình, phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục quốc gia;
- + Dữ liệu về kế hoạch đổi mới chương trình giáo dục quốc gia, định hướng phát triển giáo dục quốc gia chưa công khai;
- + Dữ liệu mức độ tiếp cận giáo dục, phân luồng người học sau các cấp học.
- Dữ liệu về an toàn sinh học do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai bao gồm:
 - + Dữ liệu về bản đồ gen đặc trưng của người Việt Nam;
 - + Dữ liệu về dự án nghiên cứu gen quy mô quốc gia.
 - Dữ liệu thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội do cơ quan nhà nước thu thập, quản lý chưa công khai:
 - + Dữ liệu người lao động Việt Nam làm việc tại nước ngoài;
 - + Dữ liệu người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
 - + Dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công.
 - Dữ liệu về tổ chức, công dân chưa công khai bao gồm:
 - + Dữ liệu công dân cơ bản của 100.000 công dân Việt Nam trở lên;
 - + Dữ liệu công dân nhạy cảm của 10.000 công dân Việt Nam trở lên;
 - + Dữ liệu về tài khoản ngân hàng, lịch sử thanh toán, nghĩa vụ nợ của 10.000 doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam trở lên.

PHẦN III
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TRONG
LUẬT DỮ LIỆU 2024 VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI DỮ LIỆU
QUAN TRỌNG, DỮ LIỆU CỐT LỖI

Theo Luật Dữ liệu 2024, các tổ chức, doanh nghiệp sẽ phải thực hiện 02 thủ tục hành chính bao gồm triển khai Hồ sơ đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và Hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới.

1. Hồ sơ đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng

1.1. Về thời gian thực hiện báo cáo và cơ quan báo cáo

Theo khoản 11 Điều 17 Nghị định 165, Chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng **hàng năm phải thực hiện** đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng trong phạm vi quản lý. Theo đó, lập, lưu trữ báo cáo đánh giá rủi ro theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này và phải luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp đã lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới theo quy định.

1.2. Thành phần Hồ sơ

Bao gồm các tài liệu chính:

- Thông báo gửi báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng bao gồm các trường thông tin cơ bản về tổ chức, doanh nghiệp và danh mục các hồ sơ, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo (Mẫu số 05a, 05b Nghị định 165).

- Báo cáo đánh giá rủi ro hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng (Mẫu số 06 Nghị định 165), bao gồm các nội dung chính sau:

(1) Thông tin cơ bản về chủ quản dữ liệu, thông tin về bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu, tên và thông tin liên lạc của người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu;

(2) Mục đích, loại, số lượng, phương pháp, phạm vi, thời gian lưu trữ, vị trí lưu trữ dữ liệu, hoạt động xử lý dữ liệu và hoàn cảnh thực hiện các hoạt động xử lý dữ liệu;

(3) Hệ thống quản lý bảo vệ dữ liệu, các biện pháp kỹ thuật mã hóa, sao lưu, dán nhãn, kiểm soát truy cập và xác thực bảo vệ, các biện pháp cần thiết khác và hiệu quả thực hiện;

(4) Rủi ro an toàn dữ liệu đã phát hiện, sự cố an toàn dữ liệu đã xảy ra và cách giải quyết;

(5) Đánh giá rủi ro đối với dữ liệu quan trọng được cung cấp, ủy thác xử lý;

(5) Các nội dung báo cáo khác theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

- Bản sao Hợp đồng hoặc các văn bản thỏa thuận có hiệu lực pháp lý khác được ký kết với bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu (nếu có thực hiện cung cấp, ủy thác xử lý dữ liệu)

- Giấy tờ của bên báo cáo:

+ Trường hợp bên báo cáo là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên báo cáo.

+ Trường hợp bên báo cáo là cá nhân: bản sao thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên báo cáo

- Giấy tờ của bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu:

+ Trường hợp bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu.

+ Trường hợp bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu là cá nhân: bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên nhận, nhận ủy thác xử lý dữ liệu.

2. Hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng xuyên biên giới

2.1. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới gồm:

- Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới bao gồm các trường thông tin cơ bản về tổ chức, doanh nghiệp và danh mục các hồ sơ, tài liệu, văn bản, hình ảnh kèm theo (Mẫu số 01a, 01b Nghị định 165).

- Báo cáo đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 165), bao gồm các nội dung chính sau cần đánh giá tác động:

(1) Tính hợp pháp, sự cần thiết, phạm vi, phương thức truyền dữ liệu và cách xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu;

(2) Những rủi ro mà việc chuyển dữ liệu có thể gây ra cho quốc phòng, an ninh, hoạt động kinh tế, đối ngoại, ổn định xã hội, lợi ích công cộng hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoặc tổ chức; rủi ro dữ liệu sẽ bị giả mạo, phá hủy, rò rỉ, mất hoặc sử dụng bất hợp pháp;

(3) Trách nhiệm và nghĩa vụ, các biện pháp quản lý, kỹ thuật của bên nhận dữ liệu;

(4) Các vấn đề khác có liên quan.

- Bản sao Hợp đồng hoặc các văn bản thỏa thuận có hiệu lực pháp lý khác được ký kết với bên nhận dữ liệu

- Giấy tờ của bên chuyển dữ liệu:

+ Trường hợp bên chuyển dữ liệu là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên chuyển dữ liệu

+ Trường hợp bên chuyển dữ liệu là cá nhân: bản sao thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên chuyển dữ liệu

- Giấy tờ của bên nhận dữ liệu:

+ Trường hợp bên nhận dữ liệu là tổ chức: Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương của bên nhận dữ liệu.

+ Trường hợp bên nhận dữ liệu là cá nhân: bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ định danh cá nhân khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ của bên nhận dữ liệu

2.2. *Trình tự, thủ tục*

Trình tự, thủ tục nộp hồ sơ đối với việc chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng xuyên biên giới cũng có sự khác biệt như sau:

- Chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi: **Trước khi chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, xử lý dữ liệu xuyên biên giới**, chủ quản dữ liệu cần gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đến Bộ Công an, trường hợp thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu thì gửi hồ sơ về Bộ Quốc phòng. Đơn vị chịu trách nhiệm thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành việc đánh giá hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu ra nước ngoài trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; trường hợp hồ sơ phức tạp, cần xác minh, kiểm tra thì không quá 15 ngày. **Sau khi nhận được kết quả đánh giá đạt**, chủ quản dữ liệu quyết định việc chuyển dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.

- Chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng: Bên chuyển dữ liệu phải lập hồ sơ đánh giá tác động trước khi chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng trong trường hợp cần thiết (**không cần sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền trước khi thực hiện**). Bên chuyển dữ liệu gửi 01 bản chính hồ sơ tới Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này **trước 15 ngày khi tiến hành xử lý dữ liệu**.

2.3. Các trường hợp bên chuyển dữ liệu phải thực hiện sửa đổi, bổ sung hồ sơ đánh giá tác động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới

Theo khoản 8 Điều 12 Nghị định 165, trong các trường hợp sau các bên cần thực hiện sửa đổi, bổ sung hồ sơ:

(1) Khi có sự thay đổi về mục đích, phương pháp, phạm vi, loại dữ liệu chuyển, xử lý, thay đổi mục đích hoặc phương pháp xử lý dữ liệu của bên nhận dữ liệu, ảnh hưởng đến an ninh an toàn dữ liệu; kéo dài thời gian lưu trữ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng;

(2) Thay đổi chính sách, quy định bảo vệ dữ liệu và môi trường an ninh mạng ở quốc gia hoặc khu vực nơi bên nhận dữ liệu, thay đổi quyền kiểm soát thực tế của bên chuyển dữ liệu hoặc bên nhận dữ liệu và các tác động khác đến tính bảo mật của dữ liệu được chuyển.

2.4. Các trường hợp chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi xuyên biên giới không cần sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền đối với dữ liệu cốt lõi và trường hợp chuyển, xử lý dữ liệu quan trọng không phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền đối với dữ liệu quan trọng

Bao gồm các trường hợp sau theo khoản 11 Điều 12 Nghị định 165:

(1) Trong các tình huống khẩn cấp, thực sự cần thiết phải cung cấp dữ liệu cá nhân ra nước ngoài để bảo vệ tính mạng, sức khỏe và an toàn tài sản của cá nhân; để thực hiện nhiệm vụ, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

(2) Thực hiện quản lý nhân sự xuyên biên giới theo quy tắc, quy chế lao động và thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;

(3) Trường hợp thực sự cần thiết phải cung cấp dữ liệu nhằm mục đích ký kết hoặc thực hiện hợp đồng, bao gồm trường hợp hợp đồng liên quan đến vận chuyển xuyên biên giới, hậu cần, chuyển tiền, thanh toán, mở tài khoản ngân hàng và khách sạn, xin thị thực, dịch vụ kiểm tra.

Trong các trường hợp trên, các bên vẫn cần phải gửi đánh giá tác động về Bộ Công an (hoặc Bộ Quốc phòng đối với dữ liệu do Bộ Quốc phòng quản lý) sau 15 ngày kể từ ngày tiến hành thực hiện.

PHẦN IV

QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA

Cùng với Luật Dữ liệu chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định về Quỹ Phát triển Dữ liệu Quốc gia, nhằm cụ thể hóa quy định tại khoản 4 Điều 29 của Luật Dữ liệu. Việc thành lập Quỹ Phát triển Dữ liệu Quốc gia là bước đi chiến lược, thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc phát triển kinh tế dữ liệu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm chủ quyền và công bằng dữ liệu trong kỷ nguyên số. Để triển khai thực hiện, Trung tâm dữ liệu quốc gia xin trân trọng giới thiệu Nền tảng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia với các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, về địa vị pháp lý: Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và giao Bộ Công an quản lý. Với quy mô ngân sách nhà nước cấp ban đầu là 1.000 tỷ đồng hàng năm được đảm bảo ngân sách để hoạt động, Quỹ có mục tiêu hỗ trợ mạnh mẽ cho việc: Phát triển công nghệ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, học máy; Ứng dụng dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn; Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về dữ liệu; Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thị trường dữ liệu Việt Nam.

Quỹ thực hiện cho vay ưu đãi, hỗ trợ chi phí, đầu tư và nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân, theo nguyên tắc công khai, minh bạch và tuân thủ pháp luật. Đặc biệt, Quỹ cho phép tiếp nhận tài trợ, đóng góp, ủy thác từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, để đồng hành cùng Nhà nước trong kiến tạo một hạ tầng dữ liệu hiện đại, an toàn và hiệu quả. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) là một trong những đối tác đồng hành cùng hoạt động của Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

Thông tin cơ bản của Quỹ:

1. Tên tài khoản: Quỹ Phát triển Dữ liệu Quốc gia

2. Số tài khoản VND: 88888 hoặc Số tài khoản USD: 55555 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh Thanh Xuân.

3. Website: ndf.gov.vn

Thứ hai, nhiệm vụ của Quỹ: Quỹ có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn theo đúng quy định pháp luật; thực hiện chế độ kế toán, báo cáo, công khai kết quả hoạt động, chấp hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền. Quỹ có đầy đủ quyền hạn để triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ, cho vay, ủy thác phù hợp với mục tiêu phát triển dữ liệu quốc gia; được phép kiểm tra, thu hồi nguồn vốn nếu tổ chức, cá nhân vi phạm cam kết. Đồng thời, Quỹ được tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực, thuê chuyên gia, hợp tác đào tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo về dữ liệu và sử dụng ngân sách nhân rồi để bảo toàn, phát triển nguồn vốn theo đúng quy định của pháp luật.

Thứ ba, Về phương thức tiếp nhận: Quỹ Phát triển Dữ liệu Quốc gia được thiết kế với cơ chế mở, linh hoạt để tiếp nhận các khoản tài trợ, đóng góp, tặng cho và ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Các khoản tài trợ, đóng góp bằng tiền được tiếp nhận thông qua chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng thương mại của Quỹ. Đối với hiện vật hoặc hình thức đóng góp khác, việc tiếp nhận sẽ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận cụ thể giữa Quỹ và bên tài trợ, thể hiện bằng văn kiện và hồ sơ tiếp nhận theo đúng quy định pháp luật. Đối với các khoản ủy thác, Quỹ tiếp nhận thông qua chuyển khoản bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ, để thực hiện các nội dung ủy thác phù hợp với mục tiêu và quy định hoạt động của Quỹ. Việc tiếp nhận các nguồn lực đều đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế.

Thứ tư, Về cơ chế ủy thác: Nhằm hỗ trợ hiệu quả các tổ chức, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu, Quỹ Phát triển Dữ liệu Quốc gia được thiết kế với cơ chế ủy thác cho vay thông qua ngân hàng thương mại có vốn nhà nước và ngân hàng chính sách. Việc ủy thác được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa Quỹ và ngân hàng, tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành. Đối tượng được vay vốn từ Quỹ là các tổ chức có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, không có nợ xấu, hoạt động trong lĩnh vực phát triển công nghệ dữ liệu, cung cấp sản phẩm dịch vụ dữ liệu, hoặc ứng dụng khoa học, công nghệ vào xử lý, khai thác dữ liệu. Dự án xin vay phải sử dụng công nghệ hợp pháp, không thuộc danh mục công nghệ cấm, và sản phẩm phải tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mức cho vay không vượt quá 15% ngân sách thực có của Quỹ tại mọi thời điểm; thời hạn cho vay tối đa là 5 năm, lãi suất cho vay được áp dụng ở mức 80% lãi suất thương mại thấp nhất của 4 ngân hàng nhà nước lớn nhất, và được Giám đốc Quỹ công bố định kỳ.

Thứ năm, hỗ trợ chi phí: Nhằm thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái dữ liệu quốc gia, Quỹ Phát triển Dữ liệu Quốc gia triển khai nhiều hạng mục hỗ trợ chi phí trực tiếp, hướng tới các tổ chức khoa học, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các nhóm cá nhân có tiềm năng. Cụ thể, Quỹ sẽ:

- Hỗ trợ sinh hoạt phí cho nghiên cứu sinh và nhà khoa học với mức 10 triệu đồng mỗi tháng khi tham gia các công trình nghiên cứu đạt tiêu chí quy định.

- Hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng cho mỗi dự án hoặc công trình nghiên cứu có nhu cầu mua tài nguyên dữ liệu, thuê không gian làm việc, sử dụng cơ sở ươm tạo, hoặc thuê, mua hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ xử lý và phát triển dữ liệu.

- Hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng cho các hoạt động nghiên cứu chính sách, hoàn thiện thể chế và pháp luật về dữ liệu, góp phần xây dựng môi trường pháp lý hiện đại, hiệu quả.

- Đồng thời, hỗ trợ lãi suất vay 2%/năm, tối đa 1 tỷ đồng cho các doanh nghiệp, tổ chức đang vay vốn từ tổ chức tín dụng để thực hiện dự án khai thác và phát triển dữ liệu – trừ trường hợp đã nhận vay vốn trực tiếp từ Quỹ.

Thứ sáu, Cơ quan quản lý quỹ: Quỹ do Bộ Công an quản lý, sử dụng bộ máy của cơ quan chuyên môn giúp Bộ Công an quản lý nhà nước về dữ liệu để tổ chức điều hành Quỹ.

Cơ cấu tổ chức Quỹ gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Giám đốc Quỹ do Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Quỹ và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công an.

Đặc biệt, Quỹ thành lập Hội đồng chuyên gia để thẩm định các chương trình, dự án vay vốn, hỗ trợ, đầu tư và tư vấn hoạt động của Quỹ. Hội đồng gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong nước và quốc tế có uy tín, trình độ chuyên môn cao, hoạt động theo nguyên tắc khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật.

Chi phí hoạt động của Hội đồng chuyên gia được sử dụng từ ngân sách hoạt động của Quỹ. Việc tổ chức, phân công, trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của từng bộ phận sẽ được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành.

PHẦN V

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định 169/2025/NĐ-CP quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ; thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

2. Một số khái niệm

- Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu là sản phẩm, dịch vụ được tạo thành từ dữ liệu hoặc sử dụng dữ liệu là nguồn tài nguyên chính để phát triển, ứng dụng, giao dịch.

- Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu (sau đây viết gọn là hoạt động thử nghiệm có kiểm soát) là việc cơ quan nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu mà chưa có quy định của pháp luật hoặc pháp luật quy định chưa đầy đủ.

- Rủi ro trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát là những yếu tố không chắc chắn hoặc bất định có thể gây ra các tác động tiêu cực, làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đến quá trình thực hiện, kết quả đạt được hoặc khả năng ứng dụng của các dự án và sáng kiến hoặc có tác động tiêu cực đến môi trường, an toàn thông tin.

- Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu (sau đây viết gọn là hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về dữ liệu) là hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, phát huy sáng kiến hoặc hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học, công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu và tạo ra giá trị kinh tế gia tăng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

3. Chính sách ưu đãi phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

- Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được hưởng chính sách đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; được ưu tiên có chế độ hỗ trợ đặc thù cao nhất trong ngành, lĩnh vực tương đồng với ngành công nghệ cao.

- Các cơ sở ươm tạo, tổ chức, cá nhân khác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu được ưu tiên nhận tài trợ, hỗ trợ, vay vốn và bảo lãnh vốn vay từ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, nguồn tài chính, nguồn tài trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được khuyến khích, hỗ trợ, ưu tiên sử dụng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị được nhà nước đầu tư phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện nghiên cứu.

4. Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu

(1) Điều kiện:

Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tổ chức là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành; đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp thử nghiệm có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề nghị tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố bị can;

b) Đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích; đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quyết định của Tòa án;

c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu, an ninh mạng, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hoặc đang trong thời gian chờ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Cá nhân là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có trình độ đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

3. Giải pháp đề nghị tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chí:

a) Có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp liên quan hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu;

b) Đã thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro về quyền riêng tư và an ninh dữ liệu, rủi ro về tài chính, rủi ro về xã hội và đạo đức, rủi ro về an ninh quốc gia; đã xây dựng phương án xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm;

c) Đã được tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ, trên các khía cạnh hoạt động và chức năng, công dụng, tính hữu ích;

d) Có tính khả thi để triển khai ứng dụng sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm.

(2) Phạm vi thử nghiệm có kiểm soát”

- Không gian thử nghiệm bao gồm: không gian vật lý (máy chủ vật lý), không gian mạng (sử dụng mạng cục bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN), mạng Internet và các dịch vụ đám mây), không gian địa lý (triển khai tại địa điểm của tổ chức, cá nhân chủ trì thử nghiệm, triển khai tại địa điểm đã được đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an phê duyệt).

- Thời hạn thực hiện thử nghiệm có kiểm soát không quá 02 năm theo phương án được thẩm định, có thể được gia hạn 01 lần không quá thời gian thử nghiệm đã được phê duyệt.

(3) Phương án thử nghiệm có kiểm soát: Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát phải lập phương án bao gồm các nội dung chính sau:

- Tên phương án thử nghiệm.
- Thông tin về tổ chức, cá nhân chủ trì phương án thử nghiệm và tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động thử nghiệm
- Sự cần thiết, mục tiêu của hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.
- Mô tả giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, đánh giá mức độ rủi ro, quyền lợi, trách nhiệm các bên, các biện pháp kiểm soát, các biện pháp kiểm soát rủi ro chi tiết cho: rủi ro về quyền riêng tư và an ninh dữ liệu, rủi ro về tài chính, rủi ro về xã hội và đạo đức, rủi ro về an ninh quốc gia.
- Phạm vi, thời gian, kinh phí thực hiện, kết quả dự kiến, tài liệu thuyết minh.

(4) Thẩm quyền:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền cấp hoặc được phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với trường hợp hoạt động

thử nghiệm có kiểm soát **chỉ sử dụng nguồn dữ liệu do bộ, ngành, địa phương** mình quản lý.

- Bộ trưởng Bộ Công an có thẩm quyền cấp hoặc được phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với trường hợp sử dụng nguồn dữ liệu của từ **02 bộ, ngành, địa phương trở lên**, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thẩm quyền cấp hoặc được phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với trường hợp có sử dụng nguồn dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

5. Sản phẩm, dịch vụ Trung gian dữ liệu

(1) Khái niệm:

1. Sản phẩm trung gian dữ liệu được tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ cung cấp hạ tầng, trang thiết bị, ứng dụng, phần mềm phục vụ chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu thực hiện hoạt động quy định tại Điều 24 Nghị định này.

2. Dịch vụ trung gian dữ liệu được tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ cung cấp đề phục vụ hoạt động trung gian dữ liệu kết nối, truyền dẫn, truy cập và xử lý dữ liệu điện tử giữa chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu và bên sử dụng sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu bảo đảm an toàn, hiệu quả và đúng định dạng.

3. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu giữa bên sử dụng dịch vụ với cơ quan nhà nước được đăng ký quản lý và cấp phép theo quy định tại Nghị định này.

4. Sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu tại Nghị định này không bao gồm dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ trung tâm dữ liệu, việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu trong nội bộ tổ chức và các sản phẩm, dịch vụ đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

(2) Nội dung hoạt động trung gian dữ liệu

1. Đại diện cho chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu để thực hiện kết nối, chia sẻ, trao đổi, truy cập dữ liệu với bên sử dụng dịch vụ.

2. Tư vấn, đánh giá tác động việc xử lý dữ liệu, việc cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu giữa chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu và bên sử dụng dịch vụ dữ liệu.

3. Dịch vụ quản trị dữ liệu để ủy thác thay mặt cho chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu để kết nối, chia sẻ, trao đổi, truy cập dữ liệu với bên sử dụng dữ liệu.

4. Đại lý kết nối, chia sẻ, trao đổi, truy cập dữ liệu giữa bên chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu với bên sử dụng dữ liệu.

5. Dịch vụ cung cấp hạ tầng, trang thiết bị, ứng dụng, phần mềm, dịch vụ truyền đưa và các loại hình khác để phục vụ hoạt động trung gian dữ liệu.

6. Dịch vụ hỗ trợ, kiểm soát các thuộc tính của dữ liệu bảo đảm quyền riêng tư, dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu cá nhân, đánh giá rủi ro đối với hoạt động chuyên,

xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng theo quy định của pháp luật trong hoạt động trung gian dữ liệu.

7. Dịch vụ hợp tác, chia sẻ dữ liệu để phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác, truy cập dữ liệu theo quy định của pháp luật.

8. Thẩm định điều kiện tham gia sàn dữ liệu của các chủ thể có liên quan; tính hợp pháp và việc đáp ứng điều kiện tham gia giao dịch của sản phẩm, dịch vụ dữ liệu; khả năng đáp ứng yêu cầu trong việc bảo đảm an ninh, an toàn khi sử dụng sản phẩm dữ liệu.

9. Các hoạt động khác thực hiện theo quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát để đánh giá, phân tích bổ sung vào hoạt động trung gian dữ liệu.

(3) Điều kiện trung gian dữ liệu giữa bên sử dụng dịch vụ với nhà nước

- Về tổ chức: Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam

- Về nhân sự:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu.

b) Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên và có một trong những chứng chỉ, chứng nhận về khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu phải có hạ tầng, trang thiết bị sử dụng được đặt tại Việt Nam, được kiểm định an ninh an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và có Đề án hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ.

- Điều kiện về tài chính: Ký quỹ 5 tỷ đồng.

6. Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

(1) Các cấp độ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Cấp độ 1: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu do con người trực tiếp thực hiện, sử dụng thiết bị, phần mềm không tích hợp trí tuệ nhân tạo.

2. Cấp độ 2: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu do con người trực tiếp thực hiện và có hỗ trợ một phần bởi trí tuệ nhân tạo.

3. Cấp độ 3: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu thực hiện hoàn toàn bởi trí tuệ nhân tạo, có sự giám sát của con người trong quá trình thực hiện.

4. Cấp độ 4: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu thực hiện hoàn toàn bởi trí tuệ nhân tạo, không có sự giám sát của con người.

(2) Quản lý sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

- Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu sau đây **phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu** bao gồm:

a) Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu thuộc nhóm cấp độ 3, cấp độ 4 trong hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có thể gây nguy hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

b) Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

c) Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có sử dụng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.

- Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu **không thuộc** khoản 1 Điều này gửi thông báo về Bộ Công an khi thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu và được đề nghị Bộ Công an thẩm định, đánh giá để hưởng ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ đó như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, công nghiệp công nghệ số; chính sách ưu đãi phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu bao gồm:

a) Trợ lý ảo, hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo sinh, hệ thống phân tích các nội dung tự động về video, hình ảnh, tin tức, bài viết và các sản phẩm, dịch vụ tương tự khác có tương tác trực tiếp đến bên sử dụng dịch vụ, có nguy cơ gợi ý, định hướng bên sử dụng dịch vụ đến các nội dung sai lệch;

b) Các sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp các dữ liệu nhạy cảm của cá nhân có quy mô dữ liệu từ 01 triệu cá nhân trở lên;

c) Các sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp cấp độ 3, cấp độ 4, thực hiện tự động trong các hệ thống công nghiệp, sản xuất chiếm 20% cơ cấu sử dụng trong ngành công nghiệp, sản xuất đó trở lên;

d) Đạt quy mô nhất định về dữ liệu phục vụ huấn luyện mô hình phân tích, tổng hợp dữ liệu 10 TB dữ liệu trở lên.

- Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu tại Nghị định này không bao gồm việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu trong nội bộ tổ chức và các sản phẩm, dịch vụ đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

(3) Điều kiện kinh doanh

- Về tổ chức: Là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

- Về nhân sự: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c

khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Có đội ngũ quản lý, điều hành đáp ứng được yêu cầu chuyên môn phân tích, tổng hợp dữ liệu; có cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm chính có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học về một trong các chuyên môn sau: Khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu; thẩm định dữ liệu hoặc có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm về: Khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu; thẩm định dữ liệu.

- Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất và công nghệ sản xuất phù hợp với phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu và có phương án kinh doanh.

(4) Các tiêu chí thẩm định sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

- Thẩm định nguồn dữ liệu để phân tích, tổng hợp đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm định mô hình, công thức phân tích, tổng hợp dữ liệu không tác động, định hướng người dùng ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, an toàn của các hệ thống công nghiệp, hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, sức khỏe cộng đồng, giao thông, môi trường, tư pháp, công cộng.

- Thẩm định về độ chính xác của mô hình phân tích, tổng hợp dữ liệu.

7. Sàn dữ liệu

(1) Khái niệm:

Sàn dữ liệu là nền tảng cung cấp tài nguyên liên quan đến dữ liệu để phục vụ nghiên cứu, phát triển khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; là môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

(2) Hoạt động của sàn dữ liệu bao gồm:

- Cung cấp tài nguyên liên quan đến dữ liệu để phục vụ nghiên cứu, phát triển khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế xã hội: Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu quốc gia; Dữ liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

- Cung cấp dịch vụ:

+ Dịch vụ chào mua, chào bán, giới thiệu, đại diện, đại lý, tư vấn, môi giới, hỗ trợ định giá, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ đàm phán, ký kết giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

+ Dịch vụ đấu giá dữ liệu;

+ Dịch vụ cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

- Dữ liệu không được phép giao dịch bao gồm: Dữ liệu gây nguy hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu; Dữ liệu không được chủ thể dữ liệu đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Dữ liệu khác bị cấm giao dịch theo

quy định của pháp luật (Dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng).

(3) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ dữ liệu lên sàn dữ liệu để giao dịch

1. Các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên sàn dữ liệu hoạt động theo cơ chế thị trường, được hỗ trợ định giá bởi tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu hoặc các tổ chức khác có chức năng định giá theo nhu cầu.

2. Cơ quan nhà nước cung cấp sản phẩm, dịch vụ dữ liệu thu phí/giá theo quy định pháp luật; lựa chọn sàn dữ liệu để cung cấp sản phẩm, dịch vụ; tổ chức đấu giá dữ liệu với giá khởi điểm không thấp hơn phí đầu vào cho sản phẩm, dịch vụ dữ liệu.

3. Các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu trên sàn dữ liệu bảo đảm xác thực nguồn gốc dữ liệu; tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu hoặc tổ chức khác có chức năng xác thực nguồn gốc dữ liệu có trách nhiệm thực hiện xác thực nguồn gốc dữ liệu.

4. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ cung cấp lên sàn dữ liệu; tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm thẩm định các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu bảo đảm tuân thủ theo quy định pháp luật.

5. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu phải thực hiện thông qua sàn dữ liệu trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.

(4) Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sàn dữ liệu

- Về tổ chức: Đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

- Điều kiện về nhân sự:

+ Người đứng đầu tổ chức, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trình độ đại học trở lên, trực tiếp hoạt động quản lý tại các trung tâm dữ liệu, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu

+ Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 40% làm việc chính thức, 30% có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học về: khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu.

+ Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự. Có hạ tầng, trang thiết bị sử dụng được đặt tại Việt Nam, được kiểm định an ninh an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và có Đề án hoạt động sàn dữ liệu

Trường hợp tổ chức hoạt động đấu giá dữ liệu thì tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu phải có giấy phép cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC DỮ LIỆU
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG AN**

PHẦN THỨ NHẤT: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an, Bộ Công an
2.	Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
3.	Ủy thác cho vay vốn từ Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia	Dữ liệu	Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, Bộ Công an;
4.	Hỗ trợ chi phí từ Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia	Dữ liệu	Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
5.	Cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
6.	Điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
7.	Gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
8.	Cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
9.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
10.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
12.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
13.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an

	phân tích, tổng hợp dữ liệu		
15.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
16.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
17.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
18.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
19.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an
20.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu	Dữ liệu	Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an

PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục: Đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền thẩm định đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.
- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định đánh giá tác động việc chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới; trường hợp hồ sơ phức tạp, cần xác minh, kiểm tra thì không quá 15 ngày. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền gửi thông báo kết quả thẩm định đến tổ chức, các nhân đề nghị.

1.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày

30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu, gồm:

- Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.

- Báo cáo đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.

- Các văn bản khác có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; trường hợp hồ sơ phức tạp, cần xác minh, kiểm tra thì không quá 15 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu).

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đối với cá nhân (theo Mẫu số 01a ban hành kèm theo Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu).

- Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới đối với tổ chức (theo Mẫu số 01b ban hành kèm theo Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu).

- Báo cáo đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc đánh giá tác động chuyên, xử lý dữ liệu xuyên biên giới được thực hiện đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.

2. Thủ tục: Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thì người có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép khai thác thông tin: trường hợp đồng ý cho phép khai thác thông tin thì có văn bản trả lời và cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; trường hợp không đồng ý cho phép khai thác thông tin thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu, cụ thể: Phiếu đề nghị khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Được cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo Phiếu cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu đề nghị khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (theo Mẫu số 07a ban hành kèm theo Nghị định 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.

3. Thủ tục: Ủy thác cho vay vốn từ Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức đề nghị vay vốn chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại ngân hàng.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, ngân hàng thẩm định hồ sơ và thông báo cho Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia kết quả xử lý hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia tiếp nhận hồ sơ từ ngân hàng.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ ngân hàng, Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia đánh giá hồ sơ đề nghị ủy thác cho vay và quyết định phê duyệt hồ sơ đề nghị ủy thác cho vay của ngân hàng và thông báo bằng văn bản cho ngân hàng về việc đồng ý hoặc từ chối phê duyệt hồ sơ đề nghị ủy thác. Trường hợp từ chối phê duyệt, phải nêu rõ lý do từ chối.

3.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 160/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, cụ thể:

- Hồ sơ đề nghị vay vốn;
- Văn bản đề nghị ủy thác cho vay của ngân hàng;
- Hồ sơ dự án sản xuất kinh doanh và các tài liệu khác chứng minh tổ chức có đủ điều kiện vay vốn theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp đồng ủy thác cho vay.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Đối tượng được vay vốn của Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia gồm:
 - Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

- Tổ chức thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu;

- Tổ chức thực hiện dự án phát triển công nghệ dữ liệu.

b) Đối tượng vay vốn của Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam;
- Tại thời điểm đề nghị cho vay, không có các khoản nợ thuế, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) Dự án sản xuất, kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ của dự án thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức và không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

- Sản phẩm của dự án được sản xuất và lưu thông theo quy định của pháp luật.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024;
- Nghị định số 160/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.

4. Thủ tục: Hỗ trợ chi phí từ Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ chi phí chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia (Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an).

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia nhận được đủ hồ sơ hợp lệ từ tổ chức, cá nhân, Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia tổ chức thẩm định; ra quyết định hỗ trợ và thông báo cho tổ chức, cá nhân; trường hợp từ chối hỗ trợ, Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về lý do từ chối.

4.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 160/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, cụ thể:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ;

- Hồ sơ về công trình nghiên cứu, dự án của tổ chức, cá nhân và các văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí nhận hỗ trợ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thỏa thuận hỗ trợ chi phí.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Hạng mục hỗ trợ chi phí

- Hỗ trợ sinh hoạt phí cho nghiên cứu sinh, nhà khoa học thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ có công trình nghiên cứu đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng.

- Hỗ trợ chi phí mua tài nguyên dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện, tiêu chí với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

- Hỗ trợ chi phí thuê khu làm việc, cơ sở ươm tạo thực hiện hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

- Hỗ trợ chi phí cho công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật và hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật về dữ liệu phục vụ phát triển dữ liệu quốc gia, chuyển đổi số quốc gia với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

- Hỗ trợ chi phí thuê, mua hạ tầng công nghệ thông tin, công cụ phục vụ hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng điều kiện với mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu.

- Hỗ trợ chi trả tiền lãi suất vay đối với các đối tượng được quy định có vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án phục vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu, mức hỗ trợ lãi suất là 2%/năm và không quá 01 tỷ đồng/01 dự án, công trình nghiên cứu, trừ trường hợp đã được vay vốn từ Quỹ.

b) Điều kiện, tiêu chí nhận hỗ trợ

- Có công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu được tổ chức khoa học và công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khi triển khai thực hiện.

- Có dự án sản xuất, kinh doanh khả thi, khai thác các tài sản trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ hoặc công nghệ mới được quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới có liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024;
- Nghị định số 160/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.

5. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

5.1. Trình tự thực hiện:

****) Đối với trường hợp sử dụng một nguồn dữ liệu từ một đơn vị chủ quản dữ liệu***

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành lấy ý kiến của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) và các đơn vị có liên quan để làm cơ sở phê duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn 10 ngày, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các đơn vị, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định hồ sơ và quyết định cấp bản giấy và bản điện tử; trường hợp không cấp có văn bản trả lời, nêu rõ lý do .

****) Trường hợp sử dụng hai nguồn dữ liệu từ hai đơn vị chủ quản dữ liệu***

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia).

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của đơn vị chủ quản dữ liệu, Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị khác có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công an có thể thành lập Hội đồng tư vấn để đánh giá về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

Trong thời hạn 10 ngày, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các đơn vị, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định hồ sơ và quyết định cấp bản giấy và bản điện tử; trường hợp không cấp có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

***) Lưu ý:**

Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát bị mất, hư hỏng, tổ chức, cá nhân sử dụng bản điện tử, trường hợp muốn cấp lại bản giấy thì chỉ cần kê khai tờ khai đề nghị cấp lại gửi đến cơ quan có thẩm quyền; trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; trường hợp không cấp có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể:

- Đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

- Phương án thử nghiệm có kiểm soát.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (mẫu HĐTĐN03, HĐTĐN04 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cho tổ chức, cá nhân (theo mẫu HĐTĐN01,

HĐTN02 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tổ chức là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành; đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp thử nghiệm có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề nghị tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã bị cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố bị can;
- Đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích; đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quyết định của Tòa án;
- Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu, an ninh mạng, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hoặc đang trong thời gian chờ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

b) Cá nhân là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có trình độ đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

c) Giải pháp đề nghị tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chí:

- Có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp liên quan hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu;
- Đã thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro về quyền riêng tư và an ninh dữ liệu, rủi ro về tài chính, rủi ro về xã hội và đạo đức, rủi ro về an ninh quốc gia; đã xây dựng phương án xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm;

- Đã được tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ, trên các khía cạnh hoạt động và chức năng, công dụng, tính hữu ích;

- Có tính khả thi để triển khai ứng dụng sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

6. Thủ tục: Điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có nhu cầu điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát xin ý kiến các đơn vị có liên quan để làm cơ sở phê duyệt hồ sơ.

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Sau thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức, cá nhân không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Căn cứ phương án thử nghiệm sau khi điều chỉnh và ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan (nếu có), cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản chấp thuận bằng bản giấy và bản điện tử việc điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; trường hợp không chấp thuận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản

phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể:

- Đề nghị điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát.
- Phương án thử nghiệm sau khi điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát.
- Báo cáo kết quả về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (đối với trường hợp việc điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát dẫn đến phải gia hạn thời gian thử nghiệm đã được phê duyệt).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 13 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận/không chấp thuận đề nghị điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát.

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị điều chỉnh phương án thử nghiệm có kiểm soát (theo mẫu HĐT N05, HĐT N06 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

- Báo cáo kết quả về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (theo mẫu HĐT N07, HĐT N08 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

7. Thủ tục: Gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có nhu cầu gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát xin ý kiến các đơn vị có liên quan để làm cơ sở phê duyệt hồ sơ.

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Sau thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức, cá nhân không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát. Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan (nếu có), cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có văn bản chấp thuận bằng bản giấy và bản điện tử việc gia hạn thời gian thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; trường hợp không chấp thuận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể:

- Đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát.
- Báo cáo kết quả về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận/không chấp thuận đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát.

7.8. Phí, lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát (theo mẫu HĐTN13, HĐTN14 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của

Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

- Báo cáo kết quả về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (theo mẫu HĐTĐN07, HĐTĐN08 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát không làm thay đổi phương án thử nghiệm có kiểm soát đã được phê duyệt.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

8. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.
- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.
- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm có kiểm soát gửi xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có thể thành lập Hội đồng tư vấn để nghiệm thu kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

- Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát xem xét, cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cho tổ chức, cá nhân; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể:

- Đề nghị cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

- Báo cáo kết quả về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (theo mẫu HDTN11, HDTN12 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

8.8. Phí, lệ phí: Không.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (theo mẫu HDTN09, HDTN10 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

- Báo cáo kết quả về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (theo mẫu HDTN07, HDTN08 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát được cấp trong các trường hợp như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trước thời hạn được phê duyệt;

b) Hết thời hạn thực hiện thử nghiệm được phê duyệt tại Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát hoặc hết thời gian đã được gia hạn thử nghiệm.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

9. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền gửi xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.

- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu (theo mẫu GCN02 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

9.8. Phí, lệ phí: Không.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm,

dịch vụ trung gian dữ liệu (theo mẫu TK02 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện đối với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu giữa bên sử dụng dịch vụ với cơ quan nhà nước:

a) Tổ chức là đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

b) Điều kiện về nhân sự:

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố bị can;

+ Đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án tù 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích; đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quyết định của Tòa án;

+ Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu, an ninh mạng, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hoặc đang trong thời gian chờ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên và có một trong những chứng chỉ, chứng nhận về khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu.

c) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu phải có hạ tầng, trang thiết bị sử dụng được đặt tại Việt Nam, được kiểm định an ninh an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và có Đề án hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ.

d) Điều kiện về tài chính: Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam không dưới 05 tỷ đồng để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ do lỗi của tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu của tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy phép.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

10. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu (theo mẫu GCN02 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

10.8. Phí, lệ phí: Không.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu (theo mẫu TK06 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp lại khi bị mất, bị hỏng bản giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

11. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của đơn vị có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu. Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

11.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu (theo mẫu GCN02 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

11.8. Phí, lệ phí: Không.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu (theo mẫu TK06 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp đổi khi bị sai thông tin, thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu đã được cấp.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

12. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền gửi xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 29 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu GCN03 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

12.8. Phí, lệ phí: Không.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu sau đây phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu bao gồm:

a) Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu thuộc nhóm cấp độ 3, cấp độ 4 trong hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có thể gây nguy hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

b) Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

c) Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có sử dụng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.

(2) Tổ chức kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tổ chức là đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

b) Điều kiện về nhân sự:

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố bị can;

+ Đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích; đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quyết định của Tòa án;

+ Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu, an ninh mạng, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hoặc đang trong thời gian chờ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên và có một trong những chứng chỉ, chứng nhận về khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu.

c) Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất và công nghệ sản xuất phù hợp với phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

d) Có phương án kinh doanh gồm các nội dung: Phạm vi đối tượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ; loại hình sản phẩm dự kiến cung cấp; sự đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ; các tính năng kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, dịch vụ.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

13. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

13.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu GCN03 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

13.8. Phí, lệ phí: Không.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp gian dữ liệu (theo mẫu TK07 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp lại khi bị mất, bị hỏng bản giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

14. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

14.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của đơn vị có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu. Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

14.2. Cách thức thực hiện:

Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu GCN03 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

14.8. Phí, lệ phí: Không.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản

phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu TK07 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp đổi khi bị sai thông tin, thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu đã được cấp.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

15. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

15.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền gửi xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu GCN04 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

15.8. Phí, lệ phí: Không.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu TK04 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

16. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

16.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

16.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều

kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu GCN04 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

16.8. Phí, lệ phí: Không.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu TK08 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp lại khi bị mất, bị hỏng bản giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

17. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

17.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của đơn vị có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu. Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

17.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

17.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

17.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu GCN04 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

17.8. Phí, lệ phí: Không.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu (theo mẫu TK08 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp đổi khi bị sai thông tin, thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu đã được cấp.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

18. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu

18.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền gửi xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

18.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu.

- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 34 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

18.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu (theo mẫu GCN01 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

18.8. Phí, lệ phí: Không.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu (theo mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP

ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện đối với tổ chức kinh doanh hoạt động sản dữ liệu:

a) Tổ chức là đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

b) Điều kiện về nhân sự:

- Người đứng đầu tổ chức, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trình độ đại học trở lên, trực tiếp hoạt động quản lý tại các trung tâm dữ liệu, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố bị can;

+ Đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích; đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quyết định của Tòa án;

+ Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu, an ninh mạng, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hoặc đang trong thời gian chờ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 40% làm việc chính thức, 30% có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học về: khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu.

c) Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự: Có hạ tầng, trang thiết bị sử dụng được đặt tại Việt Nam, được kiểm định an ninh an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và có Đề án hoạt động sản dữ liệu.

d) Trường hợp tổ chức hoạt động đấu giá dữ liệu thì tổ chức cung cấp dịch vụ sản dữ liệu phải có giấy phép cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

19. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu

19.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

19.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**a) Thành phần hồ sơ**

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.**19.4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

19.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

19.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu (theo mẫu GCN01 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

19.8. Phí, lệ phí: Không.**19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu (theo mẫu TK05 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp lại khi bị mất, bị hỏng bản giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu.

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);

- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

20. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu

20.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức nộp hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của đơn vị có liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp bản giấy và bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu. Trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

20.2. Cách thức thực hiện:

Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, cụ thể: Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

20.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu (theo mẫu GCN01 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

20.8. Phí, lệ phí: Không.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu (theo mẫu TK05 ban hành kèm theo Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu).

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức yêu cầu cấp đổi khi bị sai thông tin, thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sản dữ liệu đã được cấp.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024);
- Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu./.

PHÒNG THAM MƯU TỔNG HỢP